

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Hà Nội - Tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 -11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 55

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Tổng công ty Xi măng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Tổng công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Nguyễn Quốc Việt	Chủ tịch Hội đồng thành viên - Người đại diện theo pháp luật
Ông Phạm Đức Cường	Thành viên
Ông Vũ Thế Hà	Thành viên
Ông Lưu Đình Cường	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Ngô Đức Lưu	Phó Tổng giám đốc, được giao Quyền Tổng giám đốc từ ngày 18/3/2025 theo Quyết định số 402/QĐ-VICEM ngày 17/3/2025 của Hội đồng thành viên VICEM.
Ông Lê Nam Khánh	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/3/2025)
Ông Đinh Quang Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Hữu Hà	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Tổng công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Lãnh đạo,



Nguyễn Quốc Việt
Chủ tịch Hội đồng thành viên
Đại diện theo pháp luật

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Số: 191 /2025/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty Xi măng Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng công ty Xi măng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty", "VICEM") và các công ty con được lập ngày 29/8/2025 từ trang số 05 đến trang số 55 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long ("Xi măng Hạ Long") - một công ty con do Tổng công ty nắm giữ 82,69% vốn điều lệ đã không ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh các khoản chi phí lãi vay của các khoản vay từ Tổng công ty Sông Đà kể từ ngày 01/01/2016 do Xi măng Hạ Long đang căn cứ theo Tờ trình số 89/TTr-BXD ngày 14/10/2015 của Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt phương án tái cơ cấu nợ vay Dự án Xi măng Hạ Long. Ngày 21/6/2016, Tổng công ty có văn bản số 1239/VICEM-KTTC&NV gửi Tổng công ty Sông Đà đề nghị điều chỉnh lại hợp đồng vay liên quan tới thời hạn trả nợ bao gồm các nội dung: Không trả nợ gốc năm 2016; từ năm 2017 sẽ trả nợ gốc trong vòng 10 năm; lãi suất của khoản vay trong toàn bộ thời gian trả nợ gốc là 0%/năm. Ngày 22/12/2017, Tổng công ty Sông Đà có văn bản số 2031/TCT-TCKT gửi Bộ Xây dựng, theo đó sẽ thực hiện cơ cấu khoản nợ vay này khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, VICEM và Xi măng Hạ Long chưa nhận được văn bản trả lời chính thức từ Tổng công ty Sông Đà về việc Xi măng Hạ Long không phải trả các khoản lãi vay, lãi phạt liên quan đến khoản vay này. Theo đó, chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá việc không hạch toán và ghi nhận các khoản chi phí lãi vay nêu trên của Xi măng Hạ Long liệu có phù hợp hay không và cũng không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Tổng công ty.

Ngoài ra, tại ngày 30/6/2025, Xi măng Hạ Long chưa thu thập được xác nhận số dư các khoản vay ngắn hạn và nghĩa vụ tài chính có liên quan với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 và khoản vay dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng thương mại đồng tài trợ vay thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Sở giao dịch 1. Tổng số dư các khoản vay nêu trên tại ngày 30/6/2025 là 723,39 tỷ đồng, đã quá hạn thanh toán; tổng số dư lãi vay và các nghĩa vụ tài chính liên quan tại ngày 30/6/2025 là 121 tỷ đồng. Chúng tôi không đủ cơ sở xác định việc ghi nhận chi phí tài chính

và nghĩa vụ phải trả các ngân hàng của Xi măng Hạ Long đã đầy đủ và hợp lý hay chưa và các ảnh hưởng (nếu có) tới Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Tổng công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty và các công ty con tại ngày 30/6/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như nêu tại Thuyết minh số 4.1 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Theo số liệu Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2025, Tổng công ty có số dư nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 4.405 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2025 là 4.554 tỷ đồng), thể hiện các khó khăn về tài chính và khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn trả tại một số công ty con của Tổng công ty. Trong đó, một số công ty con thuộc diện giám sát đặc thù theo các quyết định của Hội đồng thành viên VICEM, bao gồm: Vicem Tam Điệp, Vicem Sông Thao và Xi măng Hạ Long; tại ngày 30/6/2025, các công ty con này có tổng số lỗ lũy kế là 7.849 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2024 là 7.188 tỷ đồng), tổng số nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 7.433 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2025 là 6.880 tỷ đồng). Các Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung (công ty con của Xi măng Bỉm Sơn), Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Hạ Long (công ty con của Xi măng Hạ Long) bị âm vốn chủ sở hữu tại ngày 30/6/2025, kiểm toán viên đã nhấn mạnh về sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục trên Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này. Việc cải thiện tình hình tài chính và khả năng hoạt động liên tục của các công ty này phụ thuộc vào việc cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo và khả năng thu xếp nguồn tài chính phục vụ cho việc thanh toán các khoản nợ đến hạn/quá hạn thanh toán. Hiện tại, Tổng công ty tiếp tục xem xét hỗ trợ, gia hạn nợ vay; đồng thời chỉ đạo các công ty do Tổng công ty kiểm soát nêu trên xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp và kế hoạch cân đối nguồn trả nợ trong các kỳ hoạt động tiếp theo. Ban Lãnh đạo Tổng công ty đánh giá các công ty con nêu trên lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nêu trên.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu số B01a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.878.301.763.652	9.863.035.873.183
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.290.506.973.876	2.389.761.179.503
1. Tiền	111		1.128.264.112.024	1.187.698.296.524
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.162.242.861.852	1.202.062.882.979
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.003.212.659.038	2.850.646.258.998
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	3.003.212.659.038	2.850.646.258.998
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.303.397.449.507	1.415.832.406.767
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.803.185.574.536	1.036.396.941.754
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	308.659.532.566	232.850.430.996
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		6.380.000.000	6.380.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	11	332.747.854.533	288.875.679.230
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(147.575.512.128)	(149.401.094.376)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	730.449.163
IV. Hàng tồn kho	140	12	2.857.195.653.527	2.850.609.296.404
1. Hàng tồn kho	141		2.938.356.554.422	2.933.706.363.969
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(81.160.900.895)	(83.097.067.565)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		423.989.027.704	356.186.731.511
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	173.313.934.382	112.763.770.781
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		228.397.894.514	213.844.115.709
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23	22.277.198.808	29.578.845.021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu số B01a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.080.285.824.258	24.725.061.401.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		159.428.687.971	144.061.562.513
1. Phải thu dài hạn khác	216	11	162.391.997.464	147.024.872.006
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(2.963.309.493)	(2.963.309.493)
II. Tài sản cố định	220		15.999.190.209.283	16.913.818.152.709
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	14.973.842.157.817	15.869.650.739.960
- Nguyên giá	222		56.075.149.153.203	56.066.914.385.172
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.101.306.995.386)	(40.197.263.645.212)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.025.348.051.466	1.044.167.412.749
- Nguyên giá	228		1.165.454.145.266	1.165.742.607.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(140.106.093.800)	(121.575.194.517)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	196.802.787.827	200.695.622.559
- Nguyên giá	231		259.753.835.497	259.753.835.497
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(62.951.047.670)	(59.058.212.938)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.243.206.721.414	1.840.125.068.266
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	2.243.206.721.414	1.840.125.068.266
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.051.387.848.942	4.142.888.387.926
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17.1	3.718.365.924.932	3.809.357.011.236
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17.2	384.169.399.950	384.169.399.950
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17.2	(51.147.475.940)	(50.638.023.260)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.430.269.568.821	1.483.472.607.027
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.099.257.042.718	1.144.396.335.773
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	35.2	18.057.877.524	18.543.158.122
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12	312.954.648.579	320.533.113.132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		34.958.587.587.910	34.588.097.274.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu số B01a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		16.905.093.925.769	16.049.155.072.593
I. Nợ ngắn hạn	310		15.283.549.463.896	14.417.364.320.319
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	3.856.697.314.435	3.451.945.432.559
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	151.422.013.486	260.062.752.789
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	247.496.603.678	99.083.509.764
4. Phải trả người lao động	314		346.992.835.171	503.472.436.438
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	519.347.822.347	406.718.228.466
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		153.678.850.445	151.006.401.233
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.988.742.854.706	1.758.593.604.530
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	7.616.491.486.013	7.586.458.216.855
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	209.773.534.356	2.971.639.162
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		192.906.149.259	197.052.098.523
II. Nợ dài hạn	330		1.621.544.461.873	1.631.790.752.274
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		41.792.977.027	42.400.033.832
2. Phải trả dài hạn khác	337	21	5.088.785.404	5.617.057.774
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	694.679.855.037	709.734.206.513
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	35.2	753.381.283.038	752.452.442.141
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	126.601.561.367	121.587.012.014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu số B01a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.053.493.662.141	18.538.942.201.590
I. Vốn chủ sở hữu	410		18.048.140.694.733	18.534.729.039.879
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25	15.033.985.412.409	15.033.985.412.409
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	25	1.057.364.895.697	1.057.364.895.697
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	25	(323.971.984.350)	(323.971.984.350)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	25	686.364.020.193	686.364.020.193
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	25	3.268.712.077.315	3.264.229.318.888
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.779.434.085	2.779.434.085
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25	(3.487.709.364.592)	(3.089.891.952.905)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.110.878.419.373)	(2.259.090.904.003)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(376.830.945.219)	(830.801.048.902)
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		57.101.526.304	57.101.526.304
9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	25	1.753.514.677.672	1.846.768.369.558
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.352.967.408	4.213.161.711
1. Nguồn kinh phí	431		1.292.817.012	153.011.315
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		4.060.150.396	4.060.150.396
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		34.958.587.587.910	34.588.097.274.183

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Đại diện theo pháp luật

Nguyễn Quang Tuấn

Văn Quang Đức

Nguyễn Quốc Việt



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

MẪU SỐ B02a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Kỳ này	Kỳ so sánh
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	12.423.136.340.285	11.947.780.025.551
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	808.261.461.421	609.193.588.535
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	28	11.614.874.878.864	11.338.586.437.016
4. Giá vốn hàng bán	11	29	10.366.771.145.615	10.682.240.189.060
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.248.103.733.249	656.346.247.956
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	94.495.831.277	79.554.895.331
7. Chi phí tài chính	22	31	580.614.563.095	327.742.035.086
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		243.591.833.845	244.848.567.432
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		53.243.921.448	51.161.418.189
9. Chi phí bán hàng	25	32	446.872.747.244	458.945.017.725
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	604.741.894.942	574.827.655.436
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(236.385.719.307)	(574.452.146.771)
12. Thu nhập khác	31	33	36.982.467.994	56.525.357.631
13. Chi phí khác	32	34	159.221.840.256	93.790.555.791
14. Lợi nhuận khác	40		(122.239.372.262)	(37.265.198.160)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(358.625.091.569)	(611.717.344.931)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35.1	47.073.522.960	6.940.336.014
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35.2	1.414.121.495	48.967.257.734
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(407.112.736.024)	(667.624.938.679)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(321.385.320.651)	(561.083.037.984)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(85.727.415.373)	(106.541.900.695)

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Đại diện theo pháp luật

Nguyễn Quang Tuấn

Văn Quang Đức

Nguyễn Quốc Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

MẪU SỐ B03a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(358.625.091.569)	(611.717.344.931)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	940.804.984.543	997.706.348.519
- Các khoản dự phòng	03	208.202.198.595	162.770.882.896
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	314.176.615.883	57.405.314.457
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(147.153.054.972)	(123.034.576.667)
- Chi phí lãi vay	06	243.591.833.845	244.848.567.432
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.200.997.486.325	727.979.191.706
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(901.919.956.536)	(690.014.626.123)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.290.223.814	937.348.145.276
- Tăng, giảm khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	277.048.006.024	121.704.459.773
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(15.410.870.546)	(80.048.582.702)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(122.623.105.932)	(130.817.301.244)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.969.911.099)	(14.571.041.145)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	8.309.838.150
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(89.952.531.293)	(77.681.410.226)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	324.459.340.757	802.208.673.465
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(291.689.255.844)	(296.165.394.999)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.432.765.552	11.925.573.985
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.225.150.738.071)	(1.095.747.955.438)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.099.167.895.850	898.009.572.646
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	202.694.769.255	116.058.510.558
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(212.544.563.258)	(365.919.693.248)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

MẪU SỐ B03a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	160.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	5.698.892.300.297	6.311.092.496.704
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.902.052.061.535)	(7.148.040.934.246)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.963.177.243)	(65.760.234.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(212.122.938.481)	(902.548.671.793)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(100.208.160.982)	(466.259.691.576)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.389.761.179.503	2.241.951.964.154
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	953.955.355	984.255.707
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.290.506.973.876	1.776.676.528.285

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Đại diện theo pháp luật

Nguyễn Quang Tuấn

Văn Quang Đức

Nguyễn Quốc Việt



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("Tổng công ty" hay "VICEM") là công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu, được chuyển đổi từ công ty nhà nước theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; và đổi tên từ Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam thành Tổng công ty Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 852/QĐ-BXD ngày 21/10/2019 của Bộ Xây dựng và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/7/2011, đăng ký sửa đổi lần thứ 9 ngày 11/7/2025.

Theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025, Tổng công ty sẽ tiếp tục duy trì hình thức công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ giai đoạn 2022 - 2025.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Tổng công ty và các công ty con tại ngày 30/6/2025 là 10.159 người (tại ngày 31/12/2024: 10.442 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker.

Ngành nghề kinh doanh liên quan:

- Kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng;
- Lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cơ cấu Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam bao gồm Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

- Ban quản lý Dự án Trung tâm Điều hành VICEM và Khu tổng hợp Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội.
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Nghệ An.
- Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID).

Đơn vị hành chính sự nghiệp:

- Viện Công nghệ Xi măng Vicem (VTCl).

Theo Đề án cơ cấu lại VICEM giai đoạn 2021 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định 528/QĐ-BXD ngày 11/6/2024, Tổng công ty sẽ tổ chức lại CCID và VTCl vào thời điểm thích hợp, phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của VICEM và quy định của pháp luật.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các công ty con do Tổng công ty góp vốn đầu tư trực tiếp tại ngày 30/6/2025:

STT	Công ty con	Tên viết tắt sử dụng trong báo cáo này	Địa chỉ hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Vicem Hoàng Thạch	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Vicem Hải Phòng	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Vicem Tam Điệp	Ninh Bình	100%	100%	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Vicem Hà Tiên	Hồ Chí Minh	79,69%	79,69%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Xi măng Bim Sơn	Thanh Hóa	73,15%	73,15%	Sản xuất xi măng
6.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Vicem Bút Sơn	Ninh Bình	79,52%	79,52%	Sản xuất xi măng
7.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Vicem Hoàng Mai	Nghệ An	73,80%	73,80%	Sản xuất xi măng
8.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Vicem Hải Vân	Đà Nẵng	75,75%	75,75%	Sản xuất xi măng
9.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Vicem Sông Thao	Phú Thọ	80,79%	80,79%	Sản xuất xi măng
10.	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	82,69%	82,69%	Sản xuất xi măng
11.	Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Vicem E&E	Hà Nội	62,95%	62,95%	Kinh doanh than; rác, bùn thải
12.	Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng (i)	Thương mại Xi măng	Hà Nội	59,64%	59,64%	Kinh doanh xi măng
13.	Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (i)	Coxiva	Đà Nẵng	65,81%	65,81%	Kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng
14.	Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (i)	Thạch cao Xi măng	Huế	59,18%	61,21%	Kinh doanh thạch cao
15.	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng (i)	Vận tải Xi măng Hải Phòng	Hải Phòng	53,86%	53,86%	Dịch vụ vận tải
16.	Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch (i)	Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Hải Phòng	51,61%	51,61%	Dịch vụ vận tải
17.	Công ty Cổ phần Logistic Vicem	Logistic Vicem	Hồ Chí Minh	50,08%	50,08%	Dịch vụ vận tải

(i): Căn cứ Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 528/QĐ-BXD ngày 11/6/2024, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 1319/QĐ-VICEM ngày 14/8/2024 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 1748/QĐ-VICEM ngày 25/10/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thoái vốn đầu tư của VICEM tại các đơn vị năm 2024 - 2025, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty con này.

Ngoài các công ty con do Tổng công ty góp vốn đầu tư trực tiếp, VICEM có các công ty sở hữu gián tiếp (thông qua các công ty con khác) như sau:

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

STT	Công ty con	Địa chỉ hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long)	Hồ Chí Minh	82,69%	100,00%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn)	Quảng Ngãi	56,18%	76,80%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên)	Hồ Chí Minh	51,80%	65,00%	Kinh doanh bất động sản
4.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức (công ty con của Công ty Cổ phần Logistic Vicem)	Hồ Chí Minh	32,55%	65,00%	Kinh doanh bất động sản

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty tại ngày 30/6/2025 như sau:

STT	Công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Xi măng Nghi Sơn	Thanh Hóa	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Hồ Chí Minh	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
3.	Công ty Xi măng Chinfon	Hải Phòng	14,44%	(i)	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Cần Thơ	48,17%	48,17%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (ii)	Hải Phòng	48,99%	48,99%	Sản xuất bao bì
6.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn (ii)	Ninh Bình	34,29%	34,29%	Sản xuất bao bì
7.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (ii)	Thanh Hóa	49,00%	49,00%	Sản xuất bao bì
8.	Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch (ii)	Hải Phòng	27,76%	27,76%	Sản xuất bao bì
9.	Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (ii)	Hồ Chí Minh	38,45%	38,45%	Sản xuất bao bì
10.	Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (ii)	Hà Nội	24,00%	24,00%	Xây dựng

(i): Các công ty liên doanh.

(ii): Căn cứ Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định 528/QĐ-BXD ngày 11/6/2024, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 1319/QĐ-VICEM ngày 14/8/2024 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 1748/QĐ-VICEM ngày 25/10/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thoái vốn đầu tư của VICEM tại các đơn vị năm 2024 - 2025, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty liên kết này.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Tổng công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - VICEM và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong Tổng công ty được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

Theo số liệu Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2025, Tổng công ty có số dư nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 4.405 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2025 là 4.554 tỷ đồng), thể hiện các khó khăn về tài chính và khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn trả tại một số công ty con của Tổng công ty. Trong đó, một số công ty con thuộc diện giám sát đặc thù theo các quyết định của Hội đồng thành viên VICEM, bao gồm: Vicem Tam Điệp, Vicem Sông Thao và Xi măng Hạ Long; tại ngày 30/6/2025, các công ty con này có tổng số lỗ lũy kế là 7.849 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2024 là 7.188 tỷ đồng), tổng số nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 7.433 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2025 là 6.880 tỷ đồng). Các Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung (công ty con của Xi măng Bỉm Sơn), Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Hạ Long (công ty con của Xi măng Hạ Long) bị âm vốn chủ sở hữu tại ngày 30/6/2025, kiểm toán viên đã nhấn mạnh về sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục trên Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này. Việc cải thiện tình hình tài chính và khả năng hoạt động liên tục của các công ty này phụ thuộc vào việc cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo và khả năng thu xếp nguồn tài chính phục vụ cho việc thanh toán các khoản nợ đến hạn/quá hạn thanh toán. Hiện tại, Tổng công ty tiếp tục xem xét hỗ trợ, gia hạn nợ vay; đồng thời chỉ đạo các công ty do Tổng công ty kiểm soát nêu trên xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp và kế hoạch cân đối nguồn trả nợ trong các kỳ hoạt động tiếp theo. Ban Lãnh đạo Tổng công ty đánh giá các công ty con nêu trên lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi, phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty liên doanh).

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng mà trong đó, Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư.

Khi phần sở hữu của Tổng công ty trong khoản lỗ của công ty liên doanh, liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tổng công ty không tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó. Nếu sau đó công ty liên doanh, liên kết hoạt động có lãi, Tổng công ty chỉ ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư tài chính được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào giá trị thị trường của cổ phiếu hoặc báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên nhận đầu tư.

4.5. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng người nợ khó có khả năng thanh toán do bị phá sản hoặc các khó khăn tương tự theo các qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất, không sử dụng và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo các qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là

giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 25

Tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.8. Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

4.9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, các phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất của Tổng công ty và các công ty con được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng các lô đất được giao theo các hợp đồng thuê đất có thời hạn và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được cấp phép. Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 đến 08 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 đến 10 năm.

4.10. Bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng tương ứng với phần sở hữu riêng của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem (công ty con của Tổng công ty) bao gồm 06 sàn thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội do Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem xây dựng, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất (*)	42,5
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15
Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị	

(*): Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem không trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tương ứng với phần sở hữu riêng thuộc Dự án Comatce Tower.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị các khoản trả trước chi phí kiến thiết mỏ, chi phí công cụ dụng cụ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí trả trước tiền thuê đất và các chi phí trả trước khác.

Chi phí kiến thiết mỏ bao gồm các khoản mục chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản mỏ khai thác nguyên liệu và thể hiện số dư chưa phân bổ hết cho sản lượng khai thác còn lại tại ngày 30/6/2025 của các mỏ đá vôi, sét.

4.13. Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Tổng công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.14. Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.16. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết tại Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần lớn quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	30.166.246.941	20.078.828.011
Tiền gửi ngân hàng	1.098.097.865.083	1.167.619.468.513
Các khoản tương đương tiền (i)	1.162.242.861.852	1.202.062.882.979
Cộng	2.290.506.973.876	2.389.761.179.503

(i): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	36.552.687.456	22.003.765.159
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	34.864.345.207	19.584.021.498
Công ty Xi măng Nghi Sơn	1.277.100.000	1.976.400.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	173.909.937	94.705.512
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	124.669.006	128.950.941
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	80.861.286	196.861.932
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	31.802.020	22.825.276
Phải thu các khách hàng khác	1.766.632.887.080	1.014.393.176.595
Sở Tài chính tỉnh Nghệ An	189.418.389.115	107.120.376.418
Công ty TNHH Hoàng Hà Sơn	101.337.211.715	4.975.320.715
Công ty Cổ phần Siêu thị Vật liệu Xây dựng	88.667.352.252	83.552.369.654
Thế giới nhà		
Công ty TNHH Ngọc Mươi	48.849.014.026	1.064.695.679
Công ty TNHH Hòa Thành Tiến	37.343.763.184	38.136.231.667
Công ty TNHH Thịnh Phú Cường	35.426.051.030	32.865.202.518
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Hải	34.804.587.529	33.808.273.041
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Bảo an Sài Gòn	32.801.635.909	32.381.733.831
Công ty TNHH Phú Thái	27.955.002.429	-
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng khác	1.170.029.879.891	680.488.973.072
Cộng	1.803.185.574.536	1.036.396.941.754

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	308.659.532.566	232.850.430.996
Công ty Cổ phần TID	56.716.805.883	56.716.805.883
Viện Nghiên cứu Cơ khí	32.967.559.765	9.378.688.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	32.751.879.820	32.751.879.820
Công ty TNHH Tập đoàn Công trình Xi măng Nam Kinh C-HOPE	51.822.519.735	11.816.442.224
Công ty TNHH Sinoma International Engineering	9.372.072.150	10.886.969.500
Công ty TNHH Thương mại Thái Sơn	-	10.658.714.800
Trả trước cho người bán khác	125.028.695.213	100.640.930.769
Cộng	308.659.532.566	232.850.430.996

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	(147.575.512.128)	(149.401.094.376)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng	(134.472.479.005)	(136.298.061.253)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(10.990.103.976)	(10.990.103.976)
Dự phòng trả trước người bán	(2.112.929.147)	(2.112.929.147)
Dài hạn	(2.963.309.493)	(2.963.309.493)
Dự phòng phải thu dài hạn khác	(2.963.309.493)	(2.963.309.493)
Cộng	(150.538.821.621)	(152.364.403.869)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	173.313.934.382	112.763.770.781
Công cụ, dụng cụ, vật tư tiêu hao	102.573.752.945	104.017.751.496
Chi phí sửa chữa tài sản	50.869.790.725	901.714.164
Chi phí bảo hiểm phương tiện và tài sản cố định	5.505.468.558	4.679.731.323
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	14.364.922.154	3.164.573.798
Dài hạn	1.099.257.042.718	1.144.396.335.773
Chi phí kiến thiết mỏ, giải phóng mặt bằng	331.913.601.948	348.125.986.597
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	298.439.055.882	277.719.711.772
Công cụ, dụng cụ, vật tư tiêu hao	170.267.569.198	192.936.238.405
Chi phí sửa chữa tài sản	66.382.475.608	73.971.924.949
Chi phí quản lý trong giai đoạn đầu tư Dự án B.O.T Phú Hữu	51.047.890.912	52.358.158.913
Tiền thuê đất trả trước	37.464.858.928	37.971.206.272
Chi phí trả trước dài hạn khác	143.741.590.242	161.313.108.865
Cộng	1.272.570.977.100	1.257.160.106.554

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN/HN

11. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	332.747.854.533	(10.990.103.976)	288.875.679.230	(10.990.103.976)
Tiền chi hỗ trợ người lao động nghỉ việc do di dời Trạm nghiên Thủ Đức (i)	53.574.127.500	-	53.574.127.500	-
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	94.457.165.409	-	62.318.378.076	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	65.875.685.568	-	73.604.502.157	-
Phải thu về lãi tiền gửi	48.009.264.886	-	38.940.862.914	-
Phải thu về chi phí cổ phần hóa	7.499.783.218	-	7.499.783.218	-
Phải thu khác	63.331.827.952	(10.990.103.976)	52.938.025.365	(10.990.103.976)
Dài hạn	162.391.997.464	(2.963.309.493)	147.024.872.006	(2.963.309.493)
Ký quỹ, ký cược dài hạn	157.530.454.310	-	142.163.328.852	-
Phải thu dài hạn khác	4.861.543.154	(2.963.309.493)	4.861.543.154	(2.963.309.493)
Cộng	495.139.851.997	(13.953.413.469)	435.900.551.236	(13.953.413.469)

(i): là khoản tạm ứng nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động nghỉ việc do di dời Trạm nghiên Thủ Đức (công trình của Vicem Hà Tiên) theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ("Quyết định 86") ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị, khoản tiền này sẽ được hoàn trả lại theo Quyết định 86. Quyết định 86 đã được thay thế bằng Nghị định số 167/2017/NĐ-CP về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2017. Ngày 15/7/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09a - DN/HN

12. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Hàng đang đi trên đường	3.139.935.358	-	4.899.219.702	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.570.778.322.358	(40.150.928.954)	1.507.179.892.897	(41.199.570.095)
Vật tư và phụ tùng, linh kiện thay thế	182.172.056.466	(16.124.687.592)	183.436.927.004	(16.347.350.324)
Công cụ, dụng cụ	106.056.250.953	(14.562.436.964)	106.729.781.216	(14.668.628.894)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	503.106.309.139	(99.938.223)	599.406.593.224	(99.938.223)
Thành phẩm	550.924.468.091	(10.222.909.162)	487.945.034.151	(10.781.580.029)
Hàng hoá	15.453.725.217	-	28.565.253.965	-
Hàng gửi bán	6.725.486.840	-	15.543.661.810	-
Cộng	2.938.356.554.422	(81.160.900.895)	2.933.706.363.969	(83.097.067.565)
Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	346.537.167.886	(33.582.519.307)	354.477.582.153	(33.944.469.021)
Giá trị thuần	312.954.648.579		320.533.113.132	

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09a - DN/HN

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2025	17.309.226.632.614	35.901.066.984.544	1.854.399.764.054	274.294.735.716	727.926.268.244	56.066.914.385.172
Mua trong kỳ	1.634.893.188	11.224.440.843	7.582.718.694	2.569.539.109	-	23.011.591.834
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.109.600.747	-	-	-	-	1.109.600.747
Thanh lý, nhượng bán	(555.101.859)	(567.362.000)	(6.829.906.666)	(568.017.701)	-	(8.520.388.226)
Giảm khác	(7.087.473.065)	-	-	(278.563.259)	-	(7.366.036.324)
Tại ngày 30/6/2025	17.304.328.551.625	35.911.724.063.387	1.855.152.576.082	276.017.693.865	727.926.268.244	56.075.149.153.203
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2025	9.464.242.872.888	28.387.964.756.503	1.652.550.720.741	240.139.661.440	452.365.633.640	40.197.263.645.212
Khấu hao trong kỳ	248.221.787.437	630.666.330.172	22.574.133.303	5.868.144.990	12.593.665.466	919.924.061.368
Thanh lý, nhượng bán	(549.388.503)	(567.362.000)	(6.829.906.666)	(568.017.701)	-	(8.514.674.870)
Giảm khác	(7.087.473.065)	-	-	(278.563.259)	-	(7.366.036.324)
Tại ngày 30/6/2025	9.704.827.798.757	29.018.063.724.675	1.668.294.947.378	245.161.225.470	464.959.299.106	41.101.306.995.386
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	7.844.983.759.726	7.513.102.228.041	201.849.043.313	34.155.074.276	275.560.634.604	15.869.650.739.960
Tại ngày 30/6/2025	7.599.500.752.868	6.893.660.338.712	186.857.628.704	30.856.468.395	262.966.969.138	14.973.842.157.817

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 17.888.886.396.380 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 15.573.064.590.430 đồng).

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN/HN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Quyền thu phí hoàn vốn dự án BOT (**) VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2025	485.230.053.010	17.078.014.794	515.000.000	101.105.846.358	13.747.519.349	548.066.173.755	1.165.742.607.266
Giảm khác	-	-	-	(288.462.000)	-	-	(288.462.000)
Tại ngày 30/6/2025	485.230.053.010	17.078.014.794	515.000.000	100.817.384.358	13.747.519.349	548.066.173.755	1.165.454.145.266
HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2025	9.987.801.223	17.078.014.794	515.000.000	81.245.605.820	4.669.419.563	8.079.353.117	121.575.194.517
Khấu hao trong kỳ	261.284.254	-	-	4.480.559.079	564.295.442	13.513.222.508	18.819.361.283
Giảm khác	-	-	-	(288.462.000)	-	-	(288.462.000)
Tại ngày 30/6/2025	10.249.085.477	17.078.014.794	515.000.000	85.437.702.899	5.233.715.005	21.592.575.625	140.106.093.800
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2025	475.242.251.787	-	-	19.860.240.538	9.078.099.786	539.986.820.638	1.044.167.412.749
Tại ngày 30/6/2025	474.980.967.533	-	-	15.379.681.459	8.513.804.344	526.473.598.130	1.025.348.051.466

(*): Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội với số tiền là 374.116.278.348 đồng. Tổng công ty chưa thực hiện trích khấu hao giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM ("Dự án"). Thời gian hoạt động của Dự án là 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư (20/9/2010).

(**): Quyền thu phí hoàn vốn Dự án B.O.T có được từ Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao số 03/2012/HĐ-B.O.T ngày 04/5/2012 ký giữa Vicem Hà Tiên và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh) để thực hiện Dự án xây dựng Đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào khu công nghiệp Phú Hữu, phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh ("Dự án B.O.T Phú Hữu"). Theo phương án giá được trình UBND Thành phố Hồ Chí Minh và biên bản thỏa thuận với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm cơ sở ban hành mức giá cụ thể dịch vụ sử dụng đường bộ Dự án B.O.T Phú Hữu, Vicem Hà Tiên dự kiến thu phí hoàn vốn đến năm 2040 hoặc dừng thu phí khi đã thu đủ chi phí đầu tư được quyết toán, trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 10%/năm. Vicem Hà Tiên có trách nhiệm rà soát, cập nhật lại phương án tài chính để lấy ý kiến của các cơ quan chức năng, báo cáo UBND Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, chấp thuận làm cơ sở đàm phán ký kết Phụ lục hợp đồng, trong đó xác định lại thời gian thu phí dịch vụ đường bộ của Dự án. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Vicem Hà Tiên đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ để trình các cấp có thẩm quyền đàm phán ký kết Phụ lục hợp đồng.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cơ sở hạ tầng VND	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2025	147.851.853.392	59.821.658.651	52.080.323.454	259.753.835.497
Tại ngày 30/6/2025	147.851.853.392	59.821.658.651	52.080.323.454	259.753.835.497
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2025	24.015.104.543	35.043.108.395	-	59.058.212.938
Khấu hao trong kỳ	1.510.029.188	2.382.805.544	-	3.892.834.732
Tại ngày 30/6/2025	25.525.133.731	37.425.913.939	-	62.951.047.670
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2025	123.836.748.849	24.778.550.256	52.080.323.454	200.695.622.559
Tại ngày 30/6/2025	122.326.719.661	22.395.744.712	52.080.323.454	196.802.787.827

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng tương ứng với phần sở hữu riêng của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem bao gồm 6 sản thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Tên hạng mục/dự án/công trình	Chủ đầu tư	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM (i)	VICEM	773.464.176.424	773.464.176.424
Dự án xây dựng Khu tổng hợp 122 Vĩnh Tuy (ii)	VICEM	60.063.832.637	60.063.832.637
Dự án Nhà máy kết cấu bê tông - vật liệu xây dựng không nung (iii)	VICEM	45.755.485.802	45.755.485.802
Dự án Khu cảng Đông Hồi (iv)	VICEM	2.442.363.045	2.442.363.045
Mỏ đá vôi Ấng Rong (v)	Vicem Hoàng Thạch	91.736.037.606	91.916.404.988
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mỏ núi Han	Vicem Hoàng Thạch	29.752.232.333	29.752.232.333
Các dự án tại Bình Phước (vi)	Vicem Hà Tiên	289.291.150.918	270.058.965.456
Các dự án tại Kiên Lương	Vicem Hà Tiên	259.025.902.367	234.405.695.588
Mỏ sét Ba Sao (vii)	Vicem Bút Sơn	79.591.084.009	79.591.084.009
Dự án cải tạo hệ thống lọc bụi	Vicem Bút Sơn	35.164.913.624	-
Mỏ sét Hòa Bình	Vicem Bút Sơn	19.090.719.151	18.625.876.151
Dự án Khu đô thị Xi măng Hoàng Mai (viii)	Vicem Hoàng Mai	61.546.293.119	61.722.746.000
Dự án Hoàng Mai II	Vicem Hoàng Mai	33.381.210.735	33.381.210.735
Mỏ đá vôi Hoàng Mai B - giai đoạn III	Vicem Hoàng Mai	22.212.433.737	22.039.069.737
Dự án nhiệt thừa khí thải		235.304.856.446	24.822.810.222
Các dự án, công trình và chi phí xây dựng khác		205.384.029.461	92.083.115.139
Cộng		2.243.206.721.414	1.840.125.068.266

- (i) Dự án Trung tâm Điều hành và giao dịch VICEM được phê duyệt tại Quyết định số 01510/QĐ-XMVN ngày 23/9/2010, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư theo Quyết định số 02208/QĐ-XMVN ngày 30/12/2011 của Hội đồng thành viên VICEM; Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về điều chỉnh nội dung chủ trương đầu tư tại Giấy Chứng nhận đầu tư số 01121000884 do UBND Thành phố Hà Nội ban hành ngày 20/9/2010. Tổng mức đầu tư của Dự án sau điều chỉnh là 2.743,76 tỷ đồng. Theo Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019, UBND Thành phố Hà Nội đã chấp thuận gia hạn tiến độ dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý IV/2020.

Ngày 10/3/2017, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 2243/VPCP-CN đề nghị Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để chỉ đạo việc chuyển nhượng Dự án. Ngày 09/10/2019, Bộ Xây dựng có văn bản số 2394/BXD-QLDN hướng dẫn thủ tục chuyển nhượng Dự án.

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Trong đó đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với cơ sở nhà đất tại lô 10E6 khu đô thị mới Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội là "giữ lại tiếp tục sử dụng để đầu tư hoàn thiện Dự án Trung tâm Điều hành và giao dịch VICEM".

Ngày 25/10/2022, VICEM có văn bản số 1990/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về việc giữ lại tiếp tục sử dụng Khu đất tại Lô 10E6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội để tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án. Ngày 18/01/2023, VICEM có văn bản số 99/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng báo cáo bổ sung việc giữ lại tiếp tục sử dụng Khu đất tại Lô 10E6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội để tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án.

Ngày 28/3/2023, Bộ Xây dựng có văn bản số 1160/BXD-KHTC báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận chủ trương cho phép VICEM được tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án.

Ngày 02/8/2023, tại Công văn số 5873/VPCP-CN, Văn phòng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, chỉ đạo VICEM tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/8/2023, Bộ Xây dựng có văn bản số 3692/BXD-KHTC gửi VICEM về việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 5873/VPCP-CN ngày 02/8/2023 về Dự án.

Hội đồng thành viên VICEM có Nghị quyết số 2313/NQ-VICEM ngày 07/12/2023 thống nhất tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án và Nghị quyết số 1030/NQ-VICEM ngày 01/7/2024 thống nhất chủ trương điều chỉnh thiết kế Dự án.

Ngày 26/9/2024, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 1557/QĐ-VICEM về việc phê duyệt điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án. Trên cơ sở đó, ngày 02/10/2024, VICEM đã gửi hồ sơ xin điều chỉnh dự án đầu tư lên Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội.

Ngày 17/12/2024, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Nghị quyết số 2173/NQ-VICEM về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư với tổng mức đầu tư của Dự án sau điều chỉnh là 2.227,76 tỷ đồng, thời gian hoàn thành đưa vào sử dụng là Quý IV/2026; và có văn bản số 2176/VICEM-HĐTV ngày 17/12/2024 báo cáo Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư nêu trên.

Thực hiện yêu cầu của Sở Tài chính Thành phố Hà Nội tại Văn bản số 6721/TBSTC ngày 09/6/2025, Hội đồng thành viên VICEM có văn bản số 1214/VICEM-HĐTV ngày 30/6/2025 gửi Sở Tài chính Thành phố Hà Nội để báo cáo bổ sung, đề nghị giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh Dự án. Hiện nay, VICEM đang tập trung rà soát, hoàn thiện, bổ sung các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu tại Thông báo số 9033/TB-STC ngày 28/7/2025 để Sở Tài chính Thành phố Hà Nội có cơ sở xem xét đề nghị điều chỉnh Dự án của VICEM.

- (ii) Dự án xây dựng Khu tổng hợp 122 Vĩnh Tuy được Hội đồng thành viên VICEM phê duyệt tại Quyết định số 1000/QĐ-XMVN ngày 04/7/2012, tổng mức đầu tư của Dự án là 6.501 tỷ đồng. Ngày 27/11/2015, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6499/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phân Khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000.

Ngày 17/01/2019, VICEM có văn bản số 120/VICEM-HĐTV báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng cho phép tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất 122 Vĩnh Tuy phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của VICEM như hiện trạng cũng như đảm bảo tiến độ cổ phần hóa. Sau cổ phần hóa, căn cứ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, tái cấu trúc VICEM và quy hoạch của Thành phố Hà Nội, VICEM sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền việc sử dụng đất trên theo quy định.

Ngày 20/9/2022, Bộ Xây dựng có văn bản số 4229/BXD-KHTC yêu cầu VICEM làm rõ mục đích, kế hoạch sử dụng phần diện tích đất 34.413,6 m² và xem xét đề xuất lại hình thức sắp xếp đối với phần diện tích đất là đường đi chung và phần diện tích đất thuộc quy hoạch mở đường.

Hội đồng thành viên VICEM có văn bản số 1435/VICEM-HĐTV ngày 18/7/2023, văn bản số 60/VICEM-HĐTV ngày 10/01/2024, văn bản số 181/VICEM-HĐTV ngày 05/02/2024 và văn bản số 518/VICEM-HĐTV ngày 10/4/2024 báo cáo Bộ Xây dựng về rà soát, cập nhật Đề án cơ cấu lại VICEM giai đoạn 2021-2025.

Ngày 11/6/2024, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 528/QĐ-BXD phê duyệt Đề án cơ cấu lại VICEM giai đoạn 2021-2025. Ngày 14/8/2024, Hội đồng thành viên VICEM có Quyết định số 1319/QĐ-VICEM phê duyệt kế hoạch triển khai Đề án cơ cấu lại VICEM giai đoạn 2021-2025, theo đó định hướng:

- Tiếp tục làm việc với Thành phố Hà Nội rà soát, xử lý tồn tại của dự án.
- Tiếp tục quản lý sử dụng, hoàn thiện các thủ tục về đất đai theo quy định hiện hành.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, VICEM đang tiếp tục rà soát, xử lý theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại Quyết định số 528/QĐ-BXD ngày 11/6/2024.

- (iii) Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi được triển khai theo Quyết định số 770/QĐ-XMVN ngày 09/6/2010 của Hội đồng thành viên VICEM với tổng mức đầu tư là 819 tỷ đồng.

Ngày 28/02/2019, Hội đồng thành viên VICEM ban hành Quyết định số 363/QĐ-VICEM chấp thuận dừng dự án kể từ ngày 30/6/2018 để chuyển nhượng Dự án cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Vicem Hoàng Mai") tiếp tục đầu tư với giá chuyển nhượng không thấp hơn 59,8 tỷ đồng.

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Theo đó, đề xuất Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho VICEM được điều chỉnh dự án để góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai để thực hiện dự án Xi măng Hoàng Mai 2.

Ngày 20/9/2022, Bộ Xây dựng có văn bản số 4229/BXD-KHTC, trong đó đối với Khu đất tại Khu công nghiệp Đông Hồi, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An - nay thuộc phường Tân Mai, tỉnh Nghệ An (dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi) yêu cầu Hội đồng thành viên VICEM cập nhật vào kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp.

Ngày 09/01/2023, VICEM đã phối hợp với Vicem Hoàng Mai làm việc với UBND tỉnh Nghệ An để xin hướng dẫn, hỗ trợ các thủ tục để xử lý dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi. Tại Thông báo số 31/TB-UBND ngày 18/01/2023, UBND tỉnh Nghệ An đã thống nhất với đề xuất của VICEM về chấm dứt hoạt động của dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi và về nguyên tắc ủng hộ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai đề xuất dự án Trạm nghiền xi măng tại vị trí Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung sau khi dự án này hoàn thành các thủ tục để chấm dứt hoạt động, xử lý tài chính, tài sản theo đúng quy định.

Ngày 24/8/2023, Hội đồng thành viên VICEM có văn bản số 1654/VICEM-HĐTV báo cáo Bộ Xây dựng về việc triển khai các thủ tục chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung tại KCN Đông Hồi, tỉnh Nghệ An.

Ngày 25/12/2023, Vicem Hoàng Mai có văn bản số 4756/XMHM-NĐD trình VICEM về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Trạm nghiền xi măng tại KCN Đông Hồi - Nghệ An. Ngày 25/01/2024, VICEM có văn bản số 117/VICEM-ĐTXD gửi Vicem Hoàng Mai và Người đại diện phần vốn của VICEM tại Vicem Hoàng Mai góp ý về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Trạm nghiền xi măng tại Đông Hồi - Nghệ An. Vicem Hoàng Mai tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát, chỉnh sửa hoàn thiện Báo cáo.

Ngày 10/3/2025, Vicem Hoàng Mai đã nộp Hồ sơ đề xuất đầu tư dự án Trạm nghiền xi măng Vicem Hoàng Mai tại Đông Hồi (địa điểm đề xuất đầu tư tại khu đất dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung) lên Sở Tài chính và UBND tỉnh Nghệ An.

Ngày 08/8/2025, Sở Tài chính tỉnh Nghệ An có Văn bản số 5020/STC-TC&PTDN trả lời Vicem Hoàng Mai về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: "Tổng hợp ý kiến các sở, ngành, địa phương ... hiện tại chưa có đủ cơ sở để xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Trạm nghiền xi măng Vicem Hoàng Mai tại Đông Hồi - Nghệ An do Vicem Hoàng Mai đề xuất". Vicem Hoàng Mai tiếp tục nghiên cứu ý kiến các sở ban ngành, Văn bản số 5020/STC-TC&PTDN ngày 08/8/2025 của Sở Tài chính tỉnh Nghệ An để có phương án xử lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, VICEM đang tiếp tục phối hợp, đôn đốc Vicem Hoàng Mai hoàn thiện hồ sơ, tiến hành thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Trạm nghiền xi măng tại KCN Đông Hồi - Nghệ An và báo cáo các cấp thẩm quyền (Lãnh đạo VICEM, Bộ Xây dựng) về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung tại Đông Hồi gắn với đề xuất của Vicem Hoàng Mai về thực hiện dự án Trạm nghiền xi măng tại vị trí dự án Nhà

- máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung sau khi dự án này hoàn thành các thủ tục chấm dứt hoạt động dự án đầu tư theo quy định.
- (iv) Dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi được thực hiện theo Quyết định số 659/QĐ-VICEM của Hội đồng thành viên VICEM ban hành ngày 04/4/2016, tổng mức đầu tư là 1.978 tỷ đồng.
- Ngày 20/11/2018, Hội đồng thành viên VICEM ban hành Quyết định số 2146/QĐ-VICEM phê duyệt chấm dứt dự án đầu tư xây dựng Cảng Đông Hồi kể từ ngày 30/6/2018 với giá trị quyết toán là 2.680.806.045 đồng. VICEM và Vicem Hoàng Mai có văn bản báo cáo UBND tỉnh Nghệ An chấp thuận cho Vicem Hoàng Mai tiếp tục lập dự án hoặc/và làm Nhà đầu tư thực hiện dự án cảng biển tại Đông Hồi, tỉnh Nghệ An đồng bộ với dự án Xi măng Hoàng Mai 2.
- Ngày 05/10/2020, Vicem Hoàng Mai có văn bản số 3249/BC-XMHM báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, trong đó có nội dung: Dự án đang tạm giãn tiến độ triển khai do hiện nay UBND tỉnh Nghệ An đang phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải lập quy hoạch cảng Đông Hồi giai đoạn 2020-2035 và tầm nhìn đến năm 2050.
- Ngày 22/9/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1579/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Ngày 09/01/2023, VICEM đã phối hợp với Vicem Hoàng Mai làm việc với UBND tỉnh Nghệ An về dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi. Tại Thông báo số 31/TB-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh Nghệ An có nội dung: Sau khi quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn năm 2050 và Quy hoạch chi tiết khu bến cảng Đông Hồi được phê duyệt, đáp ứng đủ nhu cầu hàng hóa thông qua cảng, đề nghị Vicem Hoàng Mai đề xuất đầu tư dự án trình cấp có thẩm quyền theo quy định.
- Ngày 02/02/2023, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An có văn bản số 122/KKT-KHĐT gửi VICEM và Vicem Hoàng Mai để hướng dẫn triển khai thực hiện Thông báo số 31/TB-UBND ngày 18/01/2023.
- Ngày 03/10/2024, Vicem Hoàng Mai có văn bản số 3600/XMHM-ĐTXD gửi VICEM về việc xin ý kiến góp ý hoàn thiện nội dung hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Bến cảng tổng hợp Vicem Hoàng Mai tại Đông Hồi - Nghệ An. Ngày 29/10/2024, VICEM có văn bản số 1758/VICEM-ĐTXD gửi Vicem Hoàng Mai về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Bến cảng tổng hợp Vicem Hoàng Mai tại Đông Hồi - Nghệ An.
- Ngày 10/12/2024, Vicem Hoàng Mai đã nộp hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Bến cảng tổng hợp Vicem Hoàng Mai tại Đông Hồi - Nghệ An lên Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Nghệ An.
- Ngày 06/6/2025, Sở Tài chính tỉnh Nghệ An có Văn bản số 3125/STC-TC&PTDN gửi Vicem Hoàng Mai đề nghị bổ sung hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Ngày 16/6/2025, Vicem Hoàng Mai có Văn bản số 3157/XMHM-ĐTXD gửi Sở Tài chính tỉnh Nghệ An giải trình và bổ sung hồ sơ.
- Ngày 09/7/2025, Bộ Xây dựng có Quyết định số 1051/QĐ-BXD về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Vicem Hoàng Mai đang phối hợp với đơn vị tư vấn để nghiên cứu, rà soát lại hồ sơ đề xuất đầu tư dự án cho phù hợp với quy hoạch.
- Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, VICEM đang tiếp tục phối hợp, đôn đốc Vicem Hoàng Mai rà soát quy hoạch, hoàn thiện hồ sơ, tiến hành thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Bến cảng tổng hợp Vicem Hoàng Mai tại Đông Hồi - Nghệ An và xử lý tài chính dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi theo đúng quy định.
- (v) Chi phí xây dựng dở dang của Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi Áng Rong của Vicem Hoàng Thạch là các chi phí đã phát sinh trong quá trình thực hiện các Dự án. Ngày 06/4/2025, Hội đồng thành viên Vicem Hoàng Thạch đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành dự án "Đầu tư Xây dựng công trình mỏ đá vôi Áng Rong theo Quyết định số 1096/QĐ-XMHT. Hiện tại, Vicem Hoàng Thạch đang thực hiện các thủ tục để xin chuyển đổi giấy phép khai thác khoáng sản.
- (vi) Ngày 07/5/2021, UBND tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai) ban hành Quyết định số 1184/QĐ-UBND về việc thu hồi lại diện tích đất để xây dựng dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân viên - Nhà máy Xi măng Bình Phước, theo đó dự án được yêu cầu dừng thực hiện, UBND tỉnh cũng yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) sẽ tham mưu xem xét xử lý các vấn đề tài chính và chi phí đầu tư liên quan cho Vicem Hà Tiên.

Ngày 19/7/2021, Vicem Hà Tiên có văn bản số 2070/HT1-QLDA gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về nội dung do UBND tỉnh Bình Phước chưa thống nhất được phương án tài chính và các chi phí khác có liên quan đến dự án nên Vicem Hà Tiên kiến nghị tạm thời chưa bàn giao đất thực địa.

Ngày 21/9/2023, UBND tỉnh Bình Phước tiếp tục có văn bản số 3311/UBND-KT đề nghị Vicem Hà Tiên bàn giao đất ngoài thực địa như theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND.

Ngày 04/10/2023, Vicem Hà Tiên có văn bản số 2882/HT1-QLDA phản hồi về kế hoạch bàn giao lại lô đất cho UBND tỉnh Bình Phước, theo đó, sau khi có kết quả báo cáo kiểm toán độc lập, Vicem Hà Tiên sẽ trình Hội đồng quản trị phê duyệt cho phép dừng dự án, phê duyệt quyết toán dự án và phê duyệt thống nhất bàn giao lại đất cho địa phương.

Ngày 13/02/2025, Vicem Hà Tiên có văn bản số 68/QLDA-KTDA báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai) về chi phí đầu tư đã thực hiện của dự án. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, UBND tỉnh Đồng Nai chưa có phương án xử lý các vấn đề tài chính và chi phí đầu tư liên quan cho Vicem Hà Tiên.

- (vii) Dự án mỏ sét Ba Sao đang tạm dừng để bàn giao lại cho UBND tỉnh Ninh Bình (trước đây là UBND tỉnh Hà Nam) quản lý theo quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch Quốc gia Tam Chúc và các quy hoạch, dự án gắn liền với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội xanh và bền vững. Theo đó, Vicem Bút Sơn có nghĩa vụ hoàn trả lại mặt bằng mỏ sét Ba Sao và các mỏ khoáng sản liên quan trong địa bàn quy hoạch, đồng thời, tính toán chi phí, tổng hợp số liệu liên quan đến các mỏ khoáng sản này để làm cơ sở xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi theo quy định của pháp luật. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Vicem Bút Sơn đang làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để xác định phương án đền bù hợp lý.
- (viii) Khoản bồi thường chi phí giải phóng mặt bằng của Vicem Hoàng Mai cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Thị xã Hoàng Mai để thực hiện dự án Khu đô thị Xi măng Hoàng Mai tại xã Quỳnh Vinh, tỉnh Nghệ An.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN/HN

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**17.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Ghi nhận theo phương pháp vốn chủ	
				30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Xi măng Chinfon	14,44%		194.035.068.000	233.952.770.021	238.653.377.377
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	35,00%		814.863.899.899	1.016.901.968.877	1.049.845.263.555
Công ty Xi măng Nghi Sơn	35,00%		872.610.611.500	2.234.683.928.883	2.291.416.361.011
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	48,17%	48,17%	36.611.500.000	79.110.006.846	76.340.298.155
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	48,99%	48,99%	14.754.500.000	26.840.206.692	26.779.365.760
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	34,29%	34,29%	22.634.323.995	37.931.011.921	36.979.738.510
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	49,00%	49,00%	18.620.000.000	46.052.090.963	45.978.307.249
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	27,76%	27,76%	4.441.000.000	20.873.386.999	20.798.717.287
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	38,45%	38,45%	15.380.500.000	22.020.553.730	22.565.582.332
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	24,00%	24,00%	12.000.000.000	-	-
Cộng			2.005.951.403.394	3.718.365.924.932	3.809.357.011.236

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09a - DN/HN

17.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

	Công ty Xi măng Chinfon VND	Công ty TNHH Siam City VND	Công ty Xi măng Nghị Sơn VND	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô VND	Công ty CP Vicem Bao bì Hải Phòng VND
Giá gốc	194.035.068.000	814.863.899.899	872.610.611.500	36.611.500.000	14.754.500.000
Lãi/lỗ lũy kế tại công ty liên doanh, liên kết sau ngày đầu tư					
Số đầu kỳ	44.618.309.377	234.981.363.656	1.418.805.749.511	39.728.798.155	12.024.865.760
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	(2.967.807.356)	25.382.598.074	25.444.417.872	3.532.769.428	192.529.194
Cổ tức được chia	(1.732.800.000)	(58.325.892.752)	(82.176.850.000)	-	-
Phân phối các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	(763.060.737)	(131.688.262)
Số cuối kỳ	39.917.702.021	202.038.068.978	1.362.073.317.383	42.498.506.846	12.085.706.692
Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu					
Số đầu kỳ	238.653.377.377	1.049.845.263.555	2.291.416.361.011	76.340.298.155	26.779.365.760
Số cuối kỳ	233.952.770.021	1.016.901.968.877	2.234.683.928.883	79.110.006.846	26.840.206.692

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09a - DN/HN

17.1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

	Công ty CP Vicem Bao bì Bút Sơn VND	Công ty CP Vicem Bao bì Bim Sơn VND	Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch VND	Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên VND	Công ty Cổ phần Sông Đà 12 VND
Giá gốc	22.634.323.995	18.620.000.000	4.441.000.000	15.380.500.000	12.000.000.000
Lãi/lỗ lũy kế tại công ty liên doanh, liên kết sau ngày đầu tư					
Số đầu kỳ	14.345.414.515	27.358.307.249	16.357.717.287	7.185.082.332	(12.000.000.000)
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	1.016.290.714	238.936.903	119.561.023	1.454.436.398	-
Cổ tức được chia	-	-	-	(1.999.465.000)	-
Phân phối các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	(65.017.303)	(165.153.189)	(44.891.311)	-	-
Số cuối kỳ	15.296.687.926	27.432.090.963	16.432.386.999	6.640.053.730	(12.000.000.000)
Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu					
Số đầu kỳ	36.979.738.510	45.978.307.249	20.798.717.287	22.565.582.332	-
Số cuối kỳ	37.931.011.921	46.052.090.963	20.873.386.999	22.020.553.730	-

17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		30/6/2025		01/01/2025	
	Số cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tấm lợp VLXD Đồng Nai (i)	3.402.366	43.625.888.700	(41.833.975.940)	43.625.888.700	(41.902.023.260)
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Tín Việt (i)	10.034.732	97.543.511.250	-	97.543.511.250	-
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie (i)	9.600.000	96.000.000.000	-	96.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie (i)	10.500.000	105.000.000.000	-	105.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (ii)	2.310.000	42.000.000.000	(9.313.500.000)	42.000.000.000	(8.736.000.000)
Cộng		384.169.399.950	(51.147.475.940)	384.169.399.950	(50.638.023.260)

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

(i): Căn cứ Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định 528/QĐ-BXD ngày 11/6/2024, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 1319/QĐ-VICEM ngày 14/8/2024 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 1748/QĐ-VICEM ngày 25/10/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thoái vốn đầu tư của VICEM tại các đơn vị năm 2024 - 2025, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty này.

(ii): là khoản đầu tư góp vốn của Vicem Hà Tiên.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	151.422.013.486	260.062.752.789
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hàng hải Seastar	21.355.223.847	29.745.998.500
Văn phòng điều phối Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai)	13.172.824.380	13.172.824.380
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hồng Phát	6.010.473.794	4.807.964.496
Công ty TNHH Đầu tư VAWAZ Việt Nam	5.142.677.200	-
Công ty TNHH Sản xuất Vôi - Thương mại - Dịch vụ Thống Nhất	3.797.527.878	12.194.643.864
Công ty TNHH Đức Lộc	-	13.148.518.828
Các khách hàng khác	101.943.286.387	186.992.802.721
Cộng	151.422.013.486	260.062.752.789

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lãi vay phải trả (i)	209.945.434.546	187.147.465.568
Trích trước các khoản liên quan đến bán hàng	93.733.702.799	55.108.581.063
Chi phí sửa chữa tài sản	43.473.946.699	18.519.810.510
Chi phí thuê đất	27.496.798.195	4.675.550.824
Chi phí điện năng	22.712.410.051	36.134.290.427
Chi phí xây dựng Trung tâm Điều hành và giao dịch VICEM	19.415.981.031	19.415.981.031
Chi phí tái chế vỏ bao	12.288.923.042	23.347.632.631
Chi phí phải trả khác	90.280.625.984	62.368.916.412
Cộng	519.347.822.347	406.718.228.466

(i): bao gồm chi phí lãi vay và chi phí tín dụng liên quan đến các khoản vay của Xi măng Hạ Long tại thời điểm 30/6/2025 là 132,23 tỷ đồng, trong đó số dư đã quá hạn thanh toán là 127,18 tỷ đồng.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	209.773.534.356	2.971.639.162
Dự phòng chi phí sửa chữa tài sản	173.423.217.355	594.265.526
Dự phòng phải trả tiền bảo hành sản phẩm	958.400.319	1.455.105.647
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	922.267.989
Các khoản dự phòng khác	35.391.916.682	-
Dự phòng phải trả dài hạn	126.601.561.367	121.587.012.014
Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường	126.601.561.367	121.587.012.014
Cộng	336.375.095.723	124.558.651.176

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	1.988.742.854.706	1.758.593.604.530
Chi phí lãi vay và Chi phí tín dụng (i)	1.599.262.800.055	1.405.958.326.712
Khoản tiền nhận hộ của Dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân viên - Nhà máy Xi măng Bình Phước (ii)	201.417.885.981	201.417.459.511
Quỹ ủng hộ công tác xã hội và từ thiện nhân đạo	38.294.205.167	39.375.544.333
Cổ tức phải trả	9.407.295.803	11.305.880.041
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	16.698.953.699	13.253.599.249
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	123.661.714.001	87.282.794.684
Dài hạn	5.088.785.404	5.617.057.774
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	5.088.785.404	5.617.057.774
Cộng	1.993.831.640.110	1.764.210.662.304

(i): là các khoản chi phí lãi vay và chi phí tín dụng liên quan đến các khoản vay của Xi măng Hạ Long như trình bày tại Thuyết minh số 24, trong đó số dư lãi vay quá hạn thanh toán tại thời điểm 30/6/2025 là 1.597,03 tỷ đồng.

Số dư chi phí lãi vay phải trả nêu trên bao gồm khoản lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Thủy điện Càn Đơn lũy kế đến thời điểm 31/12/2015 với số tiền là 14,2 tỷ đồng. Xi măng Hạ Long đã trả hết số dư nợ gốc vay. Hiện tại, hai bên đang tiếp tục thảo luận để xác định nghĩa vụ tài chính còn lại liên quan đến khoản vay này.

(ii): là khoản tiền nhận hộ từ một số cá nhân liên quan tới Dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân viên - Nhà máy Xi măng Bình Phước với tổng số tiền bao gồm cả gốc và lãi là 201.417.885.981 đồng, trong đó số tiền gốc là 200.987.600.000 đồng. Hiện tại, dự án đã và đang được cơ quan chức năng xác minh, làm rõ một số vấn đề về triển khai, thực hiện. Ngày 27/6/2023, Vicem Hà Tiên có văn bản báo cáo tới các cơ quan chức năng có thẩm quyền về việc sử dụng số tiền này đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Đồng thời Vicem Hà Tiên cũng đảm bảo có đủ nguồn lực để đáp ứng các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khi có hướng dẫn tiếp theo về việc xử lý khoản tiền này.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN/HN

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ	VND	năng trả nợ
		VND		VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	273.661.209.888	273.661.209.888	243.231.898.216	243.231.898.216
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	119.436.595.938	119.436.595.938	116.877.467.770	116.877.467.770
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	119.407.200.325	119.407.200.325	89.681.969.189	89.681.969.189
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	24.493.520.501	24.493.520.501	36.672.461.257	36.672.461.257
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hoàng Thạch	10.323.893.124	10.323.893.124	-	-
Phải trả người bán khác	3.583.036.104.547	3.583.036.104.547	3.208.713.534.343	3.208.713.534.343
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Nam Phương	178.292.131.141	178.292.131.141	128.701.347.260	128.701.347.260
Công ty TNHH Thương Mại Thái Sơn	165.135.604.321	165.135.604.321	99.514.939.999	99.514.939.999
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	89.704.809.850	89.704.809.850	44.700.629.557	44.700.629.557
Công ty Cổ phần Thương mại Khoáng sản Hải Bình	82.082.444.632	82.082.444.632	87.226.849.808	87.226.849.808
Công ty TNHH Tập đoàn Công trình Xi măng Nam Kinh C-HOPE	73.296.978.114	73.296.978.114	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị nặng Junjin Việt Nam	71.799.412.823	71.799.412.823	75.095.917.058	75.095.917.058
Công ty TNHH Mặt Trời Việt Ninh Bình	70.450.062.376	70.450.062.376	47.087.271.534	47.087.271.534
Nhà máy Sản xuất Bao AD STAR Tú Phươg - Chi nhánh CTCP	69.028.974.466	69.028.974.466	86.146.092.448	86.146.092.448
Tập đoàn Hóa chất Nhựa				
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải biển Hoàng Long	68.709.218.667	68.709.218.667	72.042.851.267	72.042.851.267
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh	57.727.621.783	57.727.621.783	71.234.532.662	71.234.532.662
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama)	53.691.143.443	53.691.143.443	57.892.897.632	57.892.897.632
Công ty TNHH Hải Nam	53.262.179.929	53.262.179.929	46.995.661.703	46.995.661.703
Công ty TNHH Đầu tư VAWAZ Việt Nam	20.166.883.686	20.166.883.686	34.551.586.923	34.551.586.923
Các nhà cung cấp khác	2.529.688.639.316	2.529.688.639.316	2.357.522.956.492	2.357.522.956.492
Cộng	3.856.697.314.435	3.856.697.314.435	3.451.945.432.559	3.451.945.432.559

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN/HN

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2025	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	501.723.296	11.384.882.409	208.571.141.339	86.777.108.152	501.723.296	133.178.915.596
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.256.637.878	21.146.406.008	47.073.522.959	26.969.911.099	17.128.775.610	33.122.155.600
Lợi nhuận phải nộp ngân sách Nhà nước	-	8.866.574.038	2.015.216.162	8.866.574.038	-	2.015.216.162
Thuế xuất, nhập khẩu	12.863.200	-	28.540.280	28.540.280	12.863.200	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.013.650.068	11.117.766.442	35.743.352.693	44.207.937.053	1.630.886.844	3.270.418.858
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.077.298.389	254.808.728	69.141.808.668	40.497.060.234	1.286.816.052	29.109.074.825
Thuế tài nguyên	-	16.837.350.813	92.551.472.855	94.517.718.808	-	14.871.104.860
Phí bảo vệ môi trường	-	9.458.274.981	49.114.339.512	50.869.791.245	-	7.702.823.248
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	18.489.893.529	53.975.444.140	48.329.086.660	-	24.136.251.009
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.716.672.190	1.527.552.816	18.782.553.399	20.218.924.311	1.716.133.806	90.643.520
Cộng	29.578.845.021	99.083.509.764	576.997.392.007	421.282.651.880	22.277.198.808	247.496.603.678

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09a - DN/HN

24. VAY NGẮN HẠN, DÀI HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/6/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	7.586.458.216.855	7.586.458.216.855	5.932.085.330.693	5.902.052.061.535	7.616.491.486.013	7.616.491.486.013
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.317.516.827.525	4.317.516.827.525	5.686.288.240.004	5.854.997.973.535	4.148.807.093.994	4.148.807.093.994
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	958.609.156.984	958.609.156.984	-	-	958.609.156.984	958.609.156.984
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	866.969.767.530	866.969.767.530	23.256.088.000	47.054.088.000	843.171.767.530	843.171.767.530
Vay dài hạn đến hạn trả các đối tượng khác	1.443.362.464.816	1.443.362.464.816	222.541.002.689	-	1.665.903.467.505	1.665.903.467.505
Vay dài hạn	709.734.206.513	709.734.206.513	27.429.825.806	42.484.177.282	694.679.855.037	694.679.855.037
Vay dài hạn ngân hàng	167.873.101.366	167.873.101.366	12.604.060.293	23.256.088.000	157.221.073.659	157.221.073.659
Vay dài hạn các đối tượng khác	541.861.105.147	541.861.105.147	14.825.765.513	19.228.089.282	537.458.781.378	537.458.781.378
Tổng cộng	8.296.192.423.368	8.296.192.423.368	5.959.515.156.499	5.944.536.238.817	8.311.171.341.050	8.311.171.341.050

24.1 Chi tiết số dư vay ngắn, dài hạn theo từng đối tác tại ngày 30/6/2025

Vay ngắn hạn các ngân hàng	Số dư tại 30/6/2025	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
Vicem Tam Điệp	354.626.736.504				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tam Điệp	154.646.019.290	VND	5,2% - 5,6%	Kỳ hạn trả gốc: không quá 6 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 15/7/2026	Có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tam Điệp	74.988.407.103	VND	5,5%	Kỳ hạn trả gốc: không quá 6 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 15/8/2026	Có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	124.992.310.111	VND	5,5% - 5,6%	Kỳ hạn trả gốc: không quá 6 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 15/8/2026	Có

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN/HN

Vay ngắn hạn các ngân hàng (tiếp theo)	Số dư tại 30/6/2025	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
Vicem Hà Tiên	1.083.155.093.116				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	739.893.161.438	VND	3,7% - 4,5%	Kỳ hạn trả gốc: không quá 6 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 20/11/2025	Có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	298.091.147.343	VND	3,5% - 4,1%	Kỳ hạn trả gốc: không quá 6 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 24/11/2025	Có
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	45.170.784.335	VND	3,80%	Kỳ hạn trả gốc: không quá 6 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 11/01/2026	Tín chấp
Xi măng Bim Sơn	462.449.382.461				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa	277.631.232.368	VND	4,2% - 4,7%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30/6/2026	Có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn	170.318.150.093	VND	4,2% - 4,7%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30/6/2026	Có
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	14.500.000.000	VND	4,0% - 4,8%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 05/8/2025	Tín chấp
Vicem Bút Sơn	928.772.294.255				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	637.205.616.439	VND	5,3% - 5,6%	Kỳ hạn gốc: tùy khoản vay từ 4 đến 6 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30/6/2025	Có
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	291.566.677.816	VND	4,8% - 5,3%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 26/12/2025	Có
Vicem Hoàng Mai	178.688.825.994				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn	79.074.932.531	VND	4,6% - 4,7%	Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30/11/2025	Có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Nghệ An	99.613.893.463	VND	4,1% - 4,7%	Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 10/12/2025	Có
Vicem Hải Vân	24.800.000.000				
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	24.800.000.000	VND	7,25%	Thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân, thời gian duy trì hạn mức đến hết ngày 26/5/2025	Có

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vay ngắn hạn các ngân hàng (tiếp theo)	Số dư tại 30/6/2025	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
Vicem Sông Thao	127.151.083.728				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	43.424.713.033	VND	5,1% - 5,8%	Thời gian duy trì hạn mức đến hết ngày 15/6/2026	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	17.493.178.909	VND	5,1% - 5,8%	Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 10/6/2026	Có
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	66.233.191.786	VND	5,0% - 5,2%	Thời gian duy trì hạn mức đến hết ngày 20/5/2026	Có
Xi măng Hạ Long	582.036.713.770				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1	294.318.494.679	VND	7,3% - 11,83%	Thời hạn vay 163 - 225 ngày kể từ ngày giải ngân	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	287.718.219.091	VND	7,3% - 13,65%	Thời hạn vay 163 - 225 ngày kể từ ngày giải ngân	Có
Vicem E&E	342.126.964.166				
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	272.458.731.538	VND	5,9% - 6,3%	Thời hạn theo từng khế ước cụ thể	Có
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	49.982.433.906	VND	5,30%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long	19.685.798.722	VND	5,80%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Có
Thạch cao Xi măng	5.000.000.000				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Huế	5.000.000.000	VND	5,0%	Thời hạn duy trì hạn mức của Hợp đồng 01/2025-HĐCVHM/NHCT460-VICEM ngày 02/4/2025 đến hết ngày 02/4/2026 Thời hạn duy trì hạn mức của Hợp đồng 02/2025-HĐCVHM/NHCT460-VICEM ngày 29/4/2025 đến hết ngày 29/4/2026	Có
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	60.000.000.000				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh 5	60.000.000.000	VND	5,7% - 6,0%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Có
Cộng	4.148.807.093.994				

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Vay ngắn hạn đối tượng khác	Số dư tại 30/6/2025	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
Xi măng Hạ Long	953.009.156.984				
Tổng công ty Sông Đà	953.009.156.984	VND	(*)	Quá hạn trả nợ từ 31/12/2016	Có
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	5.600.000.000				
Vay cá nhân (Vũ Thanh Tùng)	5.600.000.000	VND	4,7%	Kỳ hạn vay 12 tháng, đáo hạn vào ngày 12/8/2025	Tín chấp
Cộng	958.609.156.984				

(*): theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD/TCTSD-XMHL ("Hợp đồng số 01"), toàn bộ khoản vay này được hoàn trả vào ngày 31/12/2016. Căn cứ Tờ trình số 89/TTr-BXD ngày 14/10/2015 của Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt phương án tái cơ cấu Xi măng Hạ Long, VICEM có văn bản số 1239/VICEM-KTTC&NV ngày 21/6/2016 gửi Tổng công ty Sông Đà đề nghị điều chỉnh Hợp đồng số 01 này theo các nội dung như sau: về thời hạn trả nợ: không trả nợ gốc năm 2016, từ năm 2017 sẽ trả nợ gốc trong vòng 10 năm; về lãi suất vay: lãi suất của khoản vay trong toàn bộ thời gian trả nợ gốc là 0%/năm.

Ngày 22/12/2017, Tổng công ty Sông Đà có văn bản số 2031/TCT-TCKT gửi Bộ Xây dựng; theo đó, đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính xem xét phê duyệt phương án tái cơ cấu Xi măng Hạ Long và Tổng công ty Sông Đà sẽ thực hiện cơ cấu khoản nợ này khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chưa có ý kiến trả lời chính thức về vấn đề này. Trong khi chờ phê duyệt chính thức từ các cơ quan quản lý Nhà nước, Xi măng Hạ Long không ghi nhận các khoản chi phí lãi vay đối với khoản vay từ Tổng công ty Sông Đà từ ngày 01/01/2016.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Vay dài hạn đến hạn trả các ngân hàng	Số dư tại 30/6/2025	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
Xi măng Bim Sơn	8.003.386.901				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa	8.003.386.901	VND	7,2% - 7,8%	Thời hạn vay 6 năm	Có
Vicem Bút Sơn	43.744.176.000				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	43.744.176.000	VND	7,0% - 8,5%	Thời hạn vay 83 tháng	Có
Vicem Sông Thao	3.184.000.000				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	3.184.000.000	VND	7,5% - 9,0%	Thời hạn vay 3 năm	Có
Xi măng Hạ Long	744.422.977.193				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN NHPT Khu vực Đông Bắc	603.070.403.166	VND	7,02% - 9,9%	Thời hạn vay 20 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 02/2023	Có
Ngân hàng Thương mại đồng tài trợ (BIDV, Viettinbank, Vietcombank, Agribank)	131.445.308.699	VND	11,67% - 11,52%	Thời hạn vay 17 năm 6 tháng, kỳ hạn thanh toán đến ngày 30/6/2024	Có
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	9.907.265.328	VND	17,10%	Thời hạn vay 15 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 04/11/2024	Có
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	43.817.227.436				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	17.037.227.436	VND	14,4 - 15,7%	Quá hạn trả nợ từ tháng 6/2018	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất	24.800.000.000	VND	Lãi suất thả nổi	Quá hạn trả nợ từ ngày 25/3/2021	Có
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng	1.980.000.000	VND	Lãi suất thả nổi	Quá hạn trả nợ từ ngày 25/10/2021	Có
Cộng	843.171.767.530				

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Vay dài hạn đến hạn trả đối tượng khác	Số dư tại 30/6/2025	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
Xi măng Hạ Long	1.639.087.769.142				
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	143.511.237.826	USD	4,85%	Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Thời hạn vay 25 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 05/11/2034	Có
Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB)	369.955.442.436	EUR	5,04%	Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Thời hạn vay 19 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 15/9/2024	Có
Quỹ tích lũy Bộ Tài chính	1.125.621.088.880	EUR	6,44%	Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Gốc được thanh toán theo lịch trả nợ đến hết năm 2023	Có
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	26.815.698.363				
Vay cá nhân (Nguyễn Thị Lâm)	12.815.698.363	VND	5,50%	Khoản vay đáo hạn vào ngày 31/12/2015 và tiếp tục được gia hạn nếu không có thông báo từ bên cho vay	Tín chấp
Vay cá nhân (Vũ Thị Hải Yến)	14.000.000.000	VND	Không có lãi suất	Khoản vay đáo hạn vào ngày 30/6/2024	Tín chấp
Cộng	1.665.903.467.505				

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vay dài hạn các ngân hàng	Số dư tại 30/6/2025	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
Vicem Tam Điệp	12.404.060.293				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tam Điệp	12.404.060.293	VND	7,2% - 7,8%	Thời hạn vay 80 tháng	Có
Xi măng Bim Sơn	205.000.000				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa	205.000.000	VND	5,6% - 7,2%	Thời hạn vay 6 năm	Có
Vicem Bút Sơn	142.017.013.366				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	142.017.013.366	VND	7,0% - 8,5%	Thời hạn vay 83 tháng	Có
Vicem Sông Thao	2.595.000.000				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	2.595.000.000	VND	7,5%	Thời hạn vay 3 năm	Có
Cộng	157.221.073.659				
Vay dài hạn các đối tượng khác	Số dư tại 30/6/2025	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
Xi măng Hạ Long	522.458.781.378				
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	522.458.781.378	USD	4,85%	Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Thời hạn vay 25 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 05/11/2034	Có
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	15.000.000.000				
Vay cá nhân (Vũ Thanh Tùng)	15.000.000.000	VND	Không có lãi suất	Khoản vay có thời hạn 36 tháng kể từ ngày 14/9/2023	Tín chấp
Cộng	537.458.781.378				

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B09a - DN/HN**24.2 Các khoản vay quá hạn chưa thanh toán**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Xi măng Hạ Long		
Tổng công ty Sông Đà	953.009.156.984	953.009.156.984
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN NHPT KV Đông Bắc	603.070.403.166	603.070.403.166
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	287.718.219.091	287.727.219.257
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	294.318.494.679	294.318.494.679
Ngân hàng Thương mại đồng tại trợ (BIDV, Vietinbank, Vietcombank, Agribank)	131.445.308.699	131.445.308.699
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	9.907.265.328	9.907.265.328
Các khoản vay thông qua Tổng Công ty Sông Đà	1.601.547.220.132	1.381.772.411.443
- Khoản vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	105.970.688.816	86.107.210.595
- Khoản vay Quỹ tích lũy Bộ Tài chính	1.125.621.088.880	975.161.112.564
- Khoản vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB)	369.955.442.436	320.504.088.284
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung		
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	17.037.227.436	17.037.227.436
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	24.800.000.000	24.800.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng	1.980.000.000	1.980.000.000
Vay cá nhân Bà Nguyễn Thị Lâm	12.815.698.363	12.815.698.363
Vay cá nhân Bà Vũ Thị Hải Yến	14.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	3.951.648.993.878	3.731.883.185.355

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	15.033.985.412.409	1.057.364.895.697	(323.971.984.350)	686.364.020.193	3.264.229.318.888	(2.236.592.862.021)	2.016.375.755.491
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	6.540.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(820.425.590.220)	(165.455.865.524)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(32.293.881.098)	(9.440.320.075)
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	-	(579.619.566)	(1.251.200.334)
Tại ngày 01/01/2025	15.033.985.412.409	1.057.364.895.697	(323.971.984.350)	686.364.020.193	3.264.229.318.888	(3.089.891.952.905)	1.846.768.369.558
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(321.385.320.651)	(85.727.415.373)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	4.482.758.427	(4.482.758.427)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(69.934.116.447)	(7.526.276.513)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	(2.015.216.162)	-
Tại ngày 30/6/2025	15.033.985.412.409	1.057.364.895.697	(323.971.984.350)	686.364.020.193	3.268.712.077.315	(3.487.709.364.592)	1.753.514.677.672

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	30/6/2025	01/01/2025
Ngoại tệ		
USD	2.604.168,77	2.747.624,68
EUR	1.520,84	1.551,85
JPY	-	7,00
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	6.610.521.803	6.610.521.803

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong kỳ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker. Các ngành nghề kinh doanh liên quan bao gồm: kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng; cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng; lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng; và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Vì vậy, không có báo cáo bộ phận cần trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Doanh thu	12.423.136.340.285	11.947.780.025.551
Doanh thu bán xi măng	11.371.047.743.244	10.749.928.924.575
Doanh thu bán clinker	809.735.891.640	1.029.214.149.405
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	242.352.705.401	168.636.951.571
Các khoản giảm trừ doanh thu	808.261.461.421	609.193.588.535
Chiết khấu thương mại	808.261.461.421	609.088.100.883
Hàng bán bị trả lại	-	105.487.652
Doanh thu thuần	11.614.874.878.864	11.338.586.437.016
Doanh thu với các bên liên quan		

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	96.858.380.434	19.942.646.709
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	38.043.281.991	6.857.917.865
Công ty Xi măng Nghi Sơn	4.380.000.000	4.270.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	177.533.504	268.510.419
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	74.871.561	49.036.500
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	51.182.554	1.955.485.343

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Giá vốn bán xi măng	9.372.358.997.459	9.236.499.909.816
Giá vốn bán clinker	823.402.962.991	1.221.628.195.016
Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn khác	173.307.301.549	224.633.212.574
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.298.116.384)	(521.128.346)
Cộng	10.366.771.145.615	10.682.240.189.060

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	91.485.443.673	71.320.730.001
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.963.098.604	8.221.333.330
Doanh thu hoạt động tài chính khác	47.289.000	12.832.000
Cộng	94.495.831.277	79.554.895.331

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Chi phí lãi vay	243.591.833.845	244.848.567.432
Lỗ chênh lệch tỷ giá	315.171.920.950	62.366.293.378
Chiết khấu thanh toán	21.341.355.620	27.310.297.690
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	509.452.680	(6.783.123.414)
Cộng	580.614.563.095	327.742.035.086

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Chi phí bán hàng	446.872.747.244	458.945.017.725
Chi phí nhân viên	118.057.871.033	117.810.489.121
Chi phí bốc xúc, vận chuyển	139.179.114.445	173.566.684.237
Chi phí khuyến mại	20.040.578.900	30.895.386.401
Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm	22.328.811.239	22.481.241.973
Chi phí hội nghị	21.918.844.615	23.642.827.231
Chi phí bán hàng khác	125.347.527.012	90.548.388.762
Chi phí quản lý doanh nghiệp	604.741.894.942	574.827.655.436
Chi phí nhân viên	297.914.667.242	289.033.471.275
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	14.247.102.099	16.166.629.257
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.407.534.371	21.423.976.268
Thuế, phí và lệ phí	63.300.399.335	54.470.027.506
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.825.582.248)	(3.002.172.195)
Chi phí tiếp khách, hội nghị	51.410.815.852	53.135.578.309
Chi phí khác	160.286.958.291	143.600.145.016
Cộng	1.051.614.642.186	1.033.772.673.161

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Thu nhập từ xử lý bùn thải	23.976.762.120	28.437.905.421
Thu nhập từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	2.423.689.851	552.428.477
Thu nhập từ thanh lý phế liệu	741.627.690	937.894.025
Thu nhập khác	9.840.388.333	26.597.129.708
Cộng	36.982.467.994	56.525.357.631

34. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Chi phí cố định trong thời gian dừng hoạt động	125.976.707.847	87.094.718.630
Chi phí bị phạt, chậm nộp và tiền bồi thường	16.023.990.995	651.255.336
Chi phí liên quan đến mỏ Khả Phong	1.949.509.583	1.396.242.666
Chi phí khác	15.271.631.831	4.648.339.159
Cộng	159.221.840.256	93.790.555.791

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**35.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	10.179.289.352	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	25.886.002.274	5.271.729.088
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	-	17.501.182
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	211.557.807	371.595.939
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	223.051.556	319.075.830
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	-	6.404.961
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải và TMDV Hải Phòng	92.836.858	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	40.020.057	-
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	2.182.280.999	918.992.043
Viện Công nghệ Xi măng	257.707	335.348
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	8.151.063.506	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ	-	443.953
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	107.162.844	34.257.670
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	47.073.522.960	6.940.336.014

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B09a - DN/HN****35.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	30/6/2025	01/01/2025	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND	VND	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18.057.877.524	18.543.158.122	485.280.598	3.958.615.677
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ lãi bán hàng nội bộ Tổng công ty	1.772.396.594	1.568.680.436	(203.716.158)	3.721.315.748
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ lãi bán tài sản nội bộ Tổng công ty	3.168.186.636	3.484.500.720	316.314.084	316.676.632
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ của chi phí phải trả	10.020.563.179	10.475.449.408	454.886.229	(115.363.172)
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.733.896.180	1.747.805.218	13.909.038	861.409
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ	(78.839.548)	(174.952.143)	(96.112.595)	35.125.060
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ khác	1.441.674.483	1.441.674.483	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	753.381.283.038	752.452.442.141	928.840.897	45.008.642.057
Các khoản điều chỉnh do hợp nhất	753.381.283.038	752.452.442.141	928.840.897	45.008.642.057
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ			1.414.121.495	48.967.257.734

36. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Công ty liên doanh
Công ty Xi măng Chínfon	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết

Trong kỳ, ngoài các giao dịch đã trình bày ở các thuyết minh khác, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	48.894.371.226	35.692.521.409
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	41.363.264.990	38.900.093.670
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	88.147.263.720	95.672.238.436
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	31.355.071.523	19.993.400.000
Cổ tức đã nhận		
Công ty Xi măng Nghi Sơn	82.176.850.000	42.094.500.000
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	58.325.892.752	-
Công ty Xi măng Chínfon	1.732.800.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	1.999.465.000	-
Thu nhập Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc	3.178.942.470	3.300.678.735

Số dư với các bên liên quan:

Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.258.233.661	2.258.233.661
Công ty Xi măng Chínfon	1.732.800.000	-

Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	437.145.013	424.531.800

37. CÁC KHOẢN CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**Chi phí cải tạo phục hồi môi trường**

Theo các quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh về việc phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường cho Dự án khai thác mỏ đá vôi, mỏ sét mà các công ty con của Tổng công ty được cấp giấy phép khai thác, các công ty con có các cam kết liên quan đến việc ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường tại thời điểm 30/6/2025.

Nghĩa vụ tiềm tàng về thuế tài nguyên

Các công ty con là công ty sản xuất xi măng thuộc Tổng công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02/10/2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên ("Thông tư 152") kể từ ngày 20/11/2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý Nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty con chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý Nhà nước về cách xác định chi phí chế biến và qua đó, để xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Các công ty con đang thực hiện nộp thuế tài nguyên theo đơn giá tính thuế do UBND tỉnh ban hành. Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025, Tổng công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung (nếu có).

38. THÔNG TIN KHÁC

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Thu nhập của Kiểm soát viên	445.310.980	398.178.450

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi kiểm toán độc lập. Trong đó, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ đã được một số công ty con điều chỉnh và trình bày lại cho phù hợp và đảm bảo khả năng so sánh, chi tiết như sau:

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

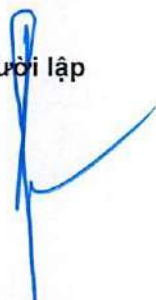
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu	Số liệu	Số liệu
		trước điều chỉnh	điều chỉnh	sau điều chỉnh
		VND	VND	VND
Giá vốn hàng bán	11	10.766.037.838.702	(83.797.649.642)	10.682.240.189.060
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	572.548.598.314	83.797.649.642	656.346.247.956
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(658.249.796.413)	83.797.649.642	(574.452.146.771)
Chi phí khác	32	9.992.906.149	83.797.649.642	93.790.555.791
Lợi nhuận khác	40	46.532.451.482	(83.797.649.642)	(37.265.198.160)

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập



Nguyễn Quang Tuấn

Kế toán trưởng



Văn Quang Đức

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Đại diện theo pháp luật

Nguyễn Quốc Việt